

**THE POLICIES IN KOREAN  
CULTURAL INDUSTRY  
DEVELOPMENT DURING  
KIM DAE-JUNG'S PRESIDENCY  
(1998 - 2003)**

Ninh Xuan Thao<sup>\*1</sup> và Vu Thu Ngan<sup>2</sup>

<sup>\*1</sup>*Faculty of History, Hanoi National University of  
Education, Hanoi city, Vietnam*

<sup>2</sup>*K70, Faculty of History, Hanoi National  
University of Education, Hanoi city, Vietnam*

<sup>\*</sup>Corresponding author: Ninh Xuân Thao  
e-mail: thaonx@hnue.edu.vn

Received March 15, 2024.

Revised April 19, 2024.

Accepted May 13, 2024.

**NHỮNG CHÍNH SÁCH NHẪM PHÁT  
TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA  
CỦA HÀN QUỐC GIAI ĐOẠN  
TỔNG THỐNG KIM DAE-JUNG  
CẨM QUYỀN (1998 - 2003)**

Ninh Xuân Thao<sup>\*1</sup> và Vũ Thu Ngân<sup>2</sup>

<sup>\*1</sup>*Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam*

<sup>2</sup>*K70, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm  
Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

<sup>\*</sup>Tác giả liên hệ: Ninh Xuân Thao  
e-mail: thaonx@hnue.edu.vn

Ngày nhận bài: 15/3/2024.

Ngày sửa bài: 19/4/2024.

Ngày nhận đăng: 13/5/2024.

**Abstract.** Since the late 90s of the 20th century, the government of President Kim Dae-jung (1998 - 2003) has recognized the importance of accuracy in public cultural industry within the country's overall development strategy. On that basis, investment policies for cultural industries have continued to focus on various contents, such as promulgating laws and establishing agencies; organizing, investing capital, searching for markets; diversifying cultural forms and preserving traditional values, etc. Those policies have promoted strategy of advertising and exporting culture - an important basis for creating the explosion of Hallyu Wave 1.0 (the first Korean wave). During the period of 1998 - 2003, the development of cultural industry policies under the President Kim Dae-jung's government created foundational conditions for Korea to implement cultural export and cultural diplomacy strategies, and increase national strength before the changes in the new century - the 21st century. These policies made important contributions to the development of Korea's cultural industry from 1998 - 2003, so President Kim Dae-jung was called "Cultural President" by the Korean people.

**Keywords:** Cultural industry, policy, South Korea, Kim Dae-jung.

**Tóm tắt.** Từ cuối những năm 90 của thế kỉ XX, chính quyền Tổng thống Kim Dae-jung (1998 - 2003) nhận thức đúng đắn hơn về tầm quan trọng của công nghiệp văn hóa trong chiến lược phát triển chung của đất nước. Trên cơ sở đó, các chính sách đầu tư cho công nghiệp văn hóa đã được tiếp tục chú trọng với nhiều nội dung như ban hành các đạo luật, thành lập các cơ quan; tổ chức, đầu tư vốn, tìm kiếm thị trường; đa dạng loại hình văn hóa, bảo tồn các giá trị truyền thống,... Việc triển khai các chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa của chính quyền Kim Dae-jung đã đẩy mạnh chiến lược quảng bá, xuất khẩu văn hóa - cơ sở quan trọng để tạo nên sự bùng nổ của Làn sóng Hallyu 1.0 (Làn sóng Hàn Quốc thứ nhất). Nhìn chung trong giai đoạn 1998 - 2003, những chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa của chính quyền Tổng thống Kim Dae-jung đã tạo điều kiện nền tảng để Hàn Quốc triển khai các chiến lược xuất khẩu văn hóa, ngoại giao văn hóa, nâng cao sức mạnh quốc gia trước những biến động của thế kỉ mới - thế kỉ XXI. Những chính sách đó đóng góp quan trọng đối với sự phát triển công nghiệp văn hóa của Hàn Quốc giai đoạn 1998 - 2003, do đó Tổng thống Kim Dae-jung được người dân Hàn Quốc gọi là "Tổng thống văn hóa".

**Từ khóa:** chính sách, công nghiệp văn hóa, Hàn Quốc, Kim Dae-jung.

## 1. Mở đầu

Hiện nay, trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nhiều nước trên thế giới, công nghiệp văn hóa đã và đang trở thành một lĩnh vực trọng điểm hàng đầu. Phát triển công nghiệp văn hóa không chỉ đem lại hiệu quả kinh tế, mà còn góp phần phổ biến và quảng bá các giá trị văn hóa tinh thần, nâng cao “*sức mạnh mềm*” và tầm ảnh hưởng của quốc gia dân tộc. Trên cơ sở tác động của bối cảnh khu vực, quốc tế cùng những điều kiện trong nước thuận lợi, từ những năm 90 của thế kỉ XX, chính quyền Hàn Quốc đã từng bước nhận thức đúng đắn và rõ ràng hơn về tầm quan trọng chiến lược của công nghiệp văn hóa. Từ nhận thức đó, những chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa đã được tăng cường thực hiện tại Hàn Quốc. Từ những chính sách đó, công nghiệp văn hóa trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn, mang tính mở đường, giúp quảng cáo thương hiệu và khai thác thị trường cho các ngành công nghiệp khác của Hàn Quốc. Đặc biệt, trong giai đoạn 1998 - 2003, những chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa của chính quyền Tổng thống Kim Dae-jung đã đặt nền tảng cho sự phát triển toàn diện của ngành công nghiệp văn hóa, tạo điều kiện để Hàn Quốc triển khai các chiến lược xuất khẩu văn hóa, ngoại giao văn hóa, nâng cao sức mạnh quốc gia trước những biến động của thế kỉ mới - thế kỉ XXI.

Nghiên cứu tổng quan về công nghiệp văn hóa và định hướng phát triển ngành công nghiệp văn hóa của các quốc gia trên thế giới là đề tài được nhiều học giả quan tâm. Có thể kể đến một số công trình của các học giả nghiên cứu về định nghĩa, vai trò, giá trị của công nghiệp văn hóa: “*Cultural Industries: A Challenge for the Future of Culture*” (Tạm dịch: *Công nghiệp văn hóa: Thách thức cho tương lai của văn hóa*) của UNESCO xuất bản năm 1982; “*Developing Cultural Industries: Learning from the Palimpsest of Practice*” (Tạm dịch: *Phát triển công nghiệp văn hóa: Bài học từ thực tiễn*) xuất bản năm 2015 của Quỹ Văn hóa châu Âu (ECF), “*The Cultural Industries*” (Tạm dịch: *Các ngành công nghiệp văn hóa*) của David Hesmondhalgh xuất bản năm 2018,... Cùng với đó, nghiên cứu tổng quan về công nghiệp văn hoá Hàn Quốc cũng như những chính sách của Chính phủ, hiệu quả của các chính sách,... đã được đề cập trong một số công trình: “*The Growth of Cultural Industry and the Role of Government: the Case of Korea*” (Tạm dịch: *Sự tăng trưởng của công nghiệp văn hóa và vai trò của chính phủ: Trường hợp của Hàn Quốc*) của Park Kang-ah công bố năm 2008, “*Cultural Policies in East Asia: Dynamics Between the State, Arts and Creative Industries*” (Tạm dịch: *Chính sách văn hóa ở Đông Á: Mối quan hệ giữa Nhà nước, Nghệ thuật và Công nghiệp sáng tạo*) của tác giả Lee Hye-kyung xuất bản năm 2014, “*The Economic Development of South Korea: From Poverty to a Modern Industrial State*” (Tạm dịch: *Sự phát triển kinh tế của Hàn Quốc: Từ nghèo đói đến một nước công nghiệp hiện đại*) của Chun Seung-hun xuất bản năm 2018,...

Trên cơ sở kế thừa thành quả của những công trình này, bài viết mong muốn nghiên cứu các chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa của Hàn Quốc và những thành tựu, kết quả của việc triển khai chính sách này trong giai đoạn cầm quyền của Tổng thống Kim Dae-jung (1998 - 2003) - giai đoạn nền tảng, mang tính chất bản lề quyết định cho những bước nhảy vọt của ngành công nghiệp văn hoá Hàn Quốc đầu thế kỉ XXI.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở để Hàn Quốc ban hành và thực hiện những chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa giai đoạn 1998 - 2003

Có nhiều cách gọi, định nghĩa và cách tiếp cận khác nhau liên quan đến khái niệm “*công nghiệp văn hóa*”: “*Ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo*” (Creative and Cultural Industries theo cách gọi của UNESCO), “*Công nghiệp bản quyền*” (Copyright Industries theo cách gọi của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO)), “*Công nghiệp giải trí*” (Entertainment Industries theo cách gọi của Hoa Kỳ), “*Nền kinh tế sáng tạo*” (Creative Economy theo cách gọi của Hội đồng Anh). Đối với Hàn Quốc, theo điều 2 của *Đạo luật xúc tiến văn hóa và nghệ thuật* sửa đổi, bổ

sung năm 2020, thuật ngữ “*công nghiệp văn hóa*” ở Hàn Quốc được định nghĩa là “các ngành liên quan đến việc hoạch định, phát triển, sản xuất, phân phối, tiêu thụ,... các sản phẩm và dịch vụ văn hóa liên quan” [1; 1].

Tuy có nhiều định nghĩa và khái niệm khác nhau nhưng nhìn chung về bản chất, “*công nghiệp văn hóa*” là một “*lĩnh vực công nghiệp, vận hành theo nguyên tắc sản xuất công nghiệp, trong đó nhấn mạnh đến việc sản xuất theo nhu cầu thị trường*” [2; 49]. Ngành công nghiệp này bao gồm các lĩnh vực liên quan đến đời sống sinh hoạt và giải trí của con người như: ăn, ở, mặc, giải trí thông qua công nghiệp nội dung số như điện ảnh, ca nhạc, truyền tranh, game, du lịch, quảng cáo, một số ngành thủ công mỹ nghệ truyền thống,... Điểm chung giữa các lĩnh vực này là đều thuộc ngành công nghiệp “*không khói*”, bền vững, gắn với sức mạnh mềm quốc gia và ngày càng có vai trò quan trọng.

Hiện nay, trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia, công nghiệp văn hóa đã và đang trở thành một trong những lĩnh vực trọng điểm hàng đầu. Phát triển công nghiệp văn hóa không chỉ đem lại hiệu quả kinh tế, mà còn góp phần phổ biến và quảng bá các giá trị văn hóa tinh thần, nâng cao “*sức mạnh mềm*” của quốc gia dân tộc. Trên cơ sở nhận thức đó, từ những năm 90 của thế kỉ XX, Hàn Quốc đã tận dụng các điều kiện thuận lợi của cách mạng khoa học - công nghệ đang bùng nổ như “*vũ bão*” trên toàn cầu để đáp ứng kịp với xu thế chung của thời đại - xu thế toàn cầu hóa, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa. Bên cạnh đó, việc học hỏi từ mô hình phát triển công nghiệp văn hóa của các quốc gia đi đầu trong khu vực và trên thế giới như Anh, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản,... đã giúp Hàn Quốc rút ra nhiều bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng và triển khai các chính sách nhằm phát triển ngành công nghiệp văn hóa tại quốc gia này.

Ngoài các yếu tố khách quan tác động tích cực, từ cuối những năm 90 của thế kỉ XX, chính quyền Tổng thống Kim Dae-jung đã tận dụng nhiều điều kiện chủ quan thuận lợi để thực hiện các chính sách phát triển công nghiệp văn hóa:

Nguồn lực địa - kinh tế, giá trị lịch sử và bản sắc văn hoá lâu đời của Hàn Quốc tạo ra nhiều lợi thế cho chính quyền Tổng thống Kim Dae-jung triển khai những chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa trên nhiều khía cạnh. Trong suốt chiều dài lịch sử, nền tảng văn hóa truyền thống của Hàn Quốc được hình thành. Đó là sự kết tinh giữa văn hóa của các tộc người sinh sống trên lục địa và biển đảo, là sự giao thoa giữa các nền văn hoá. Ngoài ra, Hàn Quốc còn có nhiều điều kiện thuận lợi khác với một loạt các di sản lịch sử, văn hóa truyền thống được UNESCO công nhận.

Những giá trị lịch sử và văn hóa truyền thống lâu đời trước những biến động và thăng trầm của thời gian vẫn luôn đóng một vai trò quan trọng với sự phát triển của Hàn Quốc. Nền tảng truyền thống đa dạng, mang đặc trưng riêng tạo điều kiện cho Hàn Quốc có những bước tiến mới trong thời đại hội nhập, toàn cầu hóa. Văn hóa Hàn Quốc có nhiều nét tương đồng với các quốc gia châu Á khác, vì vậy việc phát triển, quảng bá và xuất khẩu văn hóa cũng có nhiều điểm thuận lợi. Ngoài ra, với các nước Âu - Mỹ, làn sóng Hàn Quốc thổi một luồng gió mới với sự giao thoa Á - Âu. Các giá trị lịch sử, văn hóa phong phú và đậm đà bản sắc là thông điệp của Hàn Quốc trong chiến lược quảng bá và thu hút sự chú ý của cộng đồng quốc tế.

Chính vì vậy, vị trí địa - kinh tế, giá trị lịch sử và văn hóa truyền thống trở thành “*điều kiện cần*” để Chính phủ và nhân dân Hàn Quốc triển khai và thực hiện các chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa. Nó chi phối đến các khía cạnh bảo tồn và phát huy giá trị di sản, mối quan hệ giữa trung ương và địa phương, thu hút nhân lực vốn, đầu tư.

Cùng với đó, trên thực tế, sự phát triển của kinh tế, tình hình chính trị dần ổn định cùng chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng cao cũng là những điều kiện quan trọng để Chính phủ của Tổng thống Kim Dae-jung thực hiện hiệu quả những chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa.

Ngay từ những năm 50 của thế kỉ XX, “*Hàn Quốc đã triển khai nhiều kế hoạch và chính*

sách văn hóa nhằm thúc đẩy sự phát triển của ngành văn hóa, đưa văn hóa trở thành một trong những ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển quốc gia” [3]. Đến những năm 70, 80 của thế kỉ XX, cùng với quá trình dân chủ hóa nền chính trị Hàn Quốc, các chính sách thúc đẩy kinh tế được xem trọng bao gồm nhận thức về phát triển công nghiệp văn hóa, nhất là lĩnh vực văn hóa giải trí gắn với yếu tố quốc tế. Riêng đối với văn hóa, Chính phủ Hàn Quốc luôn đặt yếu tố này ở vị trí then chốt và hết sức chú trọng đến chiến lược phát triển.

Cùng với đó, từ thập niên 70 của thế kỉ XX, kinh tế Hàn Quốc đã vươn lên mạnh mẽ, chuyển mình ngoạn mục với “*Kì tích sông Hàn*”. Sự phát triển đó cũng tạo cơ sở quan trọng để Chính phủ chú trọng đến những chính sách nhằm gia tăng tỉ trọng đóng góp của ngành công nghiệp văn hóa trong cơ cấu các ngành kinh tế của Hàn Quốc. Ngược lại, hiệu quả từ những chính sách phát triển công nghiệp văn hóa tạo nên giá trị bền vững và khẳng định thương hiệu của nền kinh tế Hàn Quốc trước những biến động và khủng hoảng của kinh tế thế giới những năm cuối thế kỉ XX.

Bên cạnh kinh tế và chính trị, nguồn lực con người - xã hội cũng góp phần tạo cơ sở quan trọng thúc đẩy sự phát triển của công nghiệp văn hóa. Đó là điều kiện thuận lợi cho phát triển ngành công nghiệp văn hóa vừa với tư cách người sản xuất, vừa với tư cách người tiêu dùng các sản phẩm và dịch vụ của ngành công nghiệp văn hóa. Đồng thời, bên cạnh việc phát huy các giá trị văn hóa trong nước, Hàn Quốc còn tích cực học hỏi các yếu tố văn hóa Âu - Mỹ, từ đó tạo nên những giá trị đặc trưng vừa mang tính Á Đông truyền thống, vừa hiện đại với quá trình hội nhập quốc tế cùng sự phát triển của thời đại.

Trên cơ sở đó, có thể khẳng định cuối những năm 90 của thế kỉ XX, chính quyền Tổng thống Kim Dae-jung có nhiều điều kiện thuận lợi để thực hiện những chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa Hàn Quốc.

Ngoài các điều kiện kể trên, vai trò định hướng nền tảng - “*đòn bẩy*” của chính quyền tiền nhiệm của Tổng thống Kim Young-sam với sự phát triển của công nghiệp văn hóa cũng tác động tích cực đến các chính sách của chính quyền Tổng thống Kim Dae-jung. Chính quyền tiền nhiệm của Tổng thống Kim Young-sam (1993 - 1998) đã từng bước khắc phục những hạn chế của chính quyền trước và thực sự để lại dấu ấn về sự xuất hiện của ngành công nghiệp văn hóa trong sự phát triển của Hàn Quốc thông qua nhiều kế hoạch và chính sách chi tiết. Năm 1993, chính quyền Kim Young-sam đã bắt đầu thực hiện một loạt biện pháp nhằm quản lý và xây dựng nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh, đề cao quyền tự do của cá nhân. Chính quyền của Tổng thống Kim đã đưa ra các chính sách mở cửa thị trường và cắt giảm vai trò của trung ương [4; 31]. Sự kết hợp giữa tự do hóa thị trường và can thiệp của nhà nước là điểm cốt lõi trong những thay đổi trong chính sách văn hóa dưới thời Tổng thống Kim Young-sam. Bằng nhiều biện pháp cụ thể, chính quyền Kim Young-sam đã tìm cách mở rộng các ngành văn hóa và tích hợp các hoạt động kinh doanh văn hóa của Hàn Quốc vào thị trường trong nước và toàn cầu, đồng thời sử dụng các chiến lược can thiệp của nhà nước để phát triển các lĩnh vực văn hóa của quốc gia. Qua đó chứng tỏ, dưới thời Tổng thống Kim Young-sam, quan điểm của Chính phủ về “*văn hóa*” bắt đầu thay đổi. “*Văn hóa*” không đơn thuần là nhằm bảo tồn các hiện vật, giá trị truyền thống và kiểm soát văn hóa đại chúng, “*văn hóa*” trong nhận thức mới còn gắn với lợi ích kinh tế và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa. Dưới thời Tổng thống Kim Young-sam, các chính sách về kiểm duyệt được nói lỏng [5; 5521]. Các biện pháp mang tính can thiệp tích cực để tăng cường xuất khẩu văn hóa đã tạo nên những khuôn khổ cơ bản để chính quyền Tổng thống Kim Dae-jung thúc đẩy sự phát triển toàn diện của công nghiệp văn hóa. Như vậy, cách tiếp cận của Tổng thống Kim Young-sam đối với văn hóa nhấn mạnh vào phương diện tiềm năng kinh tế đã tạo nên sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa. Qua đó có thể thấy, mặc dù chú trọng đến tự do hóa thị trường nhưng Chính phủ của Tổng thống Kim Young-sam vẫn đóng vai trò quan trọng, “*kiến trúc sư*” định hình cho sự xuất hiện của ngành công nghiệp mới - “*công nghiệp văn hóa*”. Các chính sách đó trở thành “*đòn bẩy*” chính trị - kinh tế cho Tổng thống kế nhiệm Kim Dae-jung thực hiện các chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển của công nghiệp văn hóa.

## 2.2. Nội dung những chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa của Hàn Quốc giai đoạn 1998 - 2003

Sau cuộc khủng hoảng tài chính (1997), Kim Dae-jung được bầu làm tổng thống Hàn Quốc trong giai đoạn 1998 - 2003. Trong giai đoạn cầm quyền, đề vực dậy nền kinh tế Hàn Quốc, chính quyền của Tổng thống Kim Dae-jung đã thi hành một loại cải cách, bao gồm bãi bỏ các quy định trên thị trường lao động, tự hóa thị trường tài chính, tư nhân hóa các doanh nghiệp công,.... Những thay đổi trên tạo nên nền tảng then chốt để chính quyền Tổng thống Kim Dae-jung thực hiện các chính sách phát triển công nghiệp văn hóa trong giai đoạn 1998 - 2003.

### ***Thứ nhất, ban hành các đạo luật và thành lập các cơ quan quản lý liên quan đến công nghiệp văn hóa.***

Từ năm 1998 đến năm 2003, Chính phủ Hàn Quốc lần lượt ban hành các đạo luật và thành lập các cơ quan quản lý liên quan đến công nghiệp văn hóa.

Năm 1998, Hàn Quốc chính thức công bố phương châm “*Văn hóa lập quốc*” và đưa ra khái niệm “*Công nghiệp mang nội dung văn hóa*”. Năm 1999, Chính phủ thành lập Ủy ban Điện ảnh Hàn Quốc (KOFIC) với tư cách là cơ quan công cộng cốt lõi để hỗ trợ ngành công nghiệp điện ảnh của quốc gia. Tháng 8/2001, Viện Phát triển nội dung văn hóa Hàn Quốc được thành lập [6; 216]. Trên thực tế, từ năm 1999, các cơ quan hỗ trợ, điều phối ngành văn hóa, hỗ trợ phim và video, phát thanh truyền hình và báo chí, trò chơi và âm nhạc cũng như sản phẩm văn hóa liên tiếp được chính quyền Tổng thống Kim Dae-jung thành lập.

Năm 1999, “*Đạo luật cơ bản về xúc tiến công nghiệp văn hóa*” được ban hành [7; 19]. Đạo luật này có vai trò quan trọng trong việc mở rộng các lĩnh vực của công nghiệp văn hóa, tích hợp văn hóa - mỹ thuật truyền thống phù hợp với sự phát triển kinh tế và khoa học - công nghệ, đánh dấu bước phát triển mới và đặt nền tảng cho sự phát triển mạnh mẽ của các lĩnh vực công nghiệp văn hóa, tạo điều kiện thúc đẩy sự sáng tạo văn hóa thông qua việc nói lỏng các quy định và kiểm duyệt về văn hóa và mở rộng quyền tự do ngôn luận. Trên cơ sở chính sách đó, chính quyền Tổng thống Kim Dae-jung đã đưa vào danh mục công nghiệp văn hóa thêm nhiều lĩnh vực khác nhau như trò chơi, nhân vật, hoạt hình, quảng cáo, thiết kế và nội dung đa phương tiện,... Ngoài ra, chính quyền của Tổng thống Kim Dae-jung còn đưa ra nhiều kế hoạch tổng thể khác như “*Kế hoạch 5 năm phát triển các ngành công nghiệp văn hóa*” (1999), “*Tầm nhìn thế kỷ XXI về các ngành công nghiệp văn hóa*” (2000) và “*Tầm nhìn thế kỷ XXI về ngành công nghiệp văn hóa trong xã hội số*” (2001) [6; 216].

### ***Thứ hai, chính sách thu hút đầu tư vốn, cơ sở hạ tầng và nhân lực.***

Năm 1998, Bộ Văn hóa và Du lịch công bố “*Kế hoạch thúc đẩy ngành công nghiệp phát thanh truyền hình*”. Đầu tiên, Chính phủ bổ sung điều khoản liên quan đến quyền sở hữu đối với hoạt động phát sóng thương mại vào chính sách. Thứ hai, việc hình thành các chương trình sản xuất gia công là bắt buộc. Thứ ba, triển khai hệ thống đào tạo nguồn nhân lực cho các chuyên gia phát thanh truyền hình. Thứ tư, chính sách hỗ trợ việc tham gia hội chợ thương mại được ban hành [8; 215].

Sau khi kế hoạch trên được công bố, chính phủ Hàn Quốc đã thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ phân phối, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng và quản lý cơ sở hạ tầng. Chính phủ liên tục đưa ra nhiều giải pháp nhằm thay thế các doanh nghiệp bị phá sản và phát triển các ngành công nghiệp định hướng công nghệ và thông tin. Đồng thời, chính quyền tiếp tục tiến hành tái cơ cấu quy mô lớn các tập đoàn lớn, phân bổ ngân sách lớn cho các ngành công nghiệp dựa trên tri thức. Cùng với đó, trong giai đoạn cầm quyền của Tổng thống Kim Dae-jung, Chính phủ Hàn Quốc cũng tích cực đầu tư phát triển văn hóa đại chúng và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới để tạo ra các sản phẩm văn hóa phù hợp với thị yếu và nhu cầu của người dân [9]. Những chính sách này đã tạo nên những động lực mới thúc đẩy sự tăng trưởng của ngành công nghiệp văn hóa và kinh tế Hàn Quốc, góp phần củng cố hình ảnh và vị thế của quốc gia này trên trường quốc tế.

Hệ thống mạng lưới Internet cũng được chú trọng đầu tư và phủ sóng rộng rãi toàn quốc, tạo ra cơ sở để phổ biến các nội dung văn hóa. Sự phát triển của mạng xã hội và nền tảng video trực tuyến trong những năm tiếp theo đã cho phép văn hóa đại chúng Hàn Quốc tiếp cận với khán giả trong nước và nước ngoài.

Trên cơ sở “*Đạo luật cơ bản về xúc tiến công nghiệp văn hóa*” được ban hành vào năm 1999, chính quyền Tổng thống Kim Dae-jung đã tăng ngân sách đầu tư cho phát triển văn hóa. Năm 2000, chi phí đầu tư cho phát triển công nghiệp văn hóa chiếm hơn 1% ngân sách nhà nước [5; 5522). Đồng thời, chính phủ cũng thực hiện các chính sách hỗ trợ như giảm thuế, tăng trợ cấp và hỗ trợ pháp lý. Ngoài ra, các quy định và kiểm duyệt về văn hóa, vốn đã được nói lỏng một phần trong thời kỳ trước đã bị bãi bỏ đáng kể, tạo điều kiện xã hội cho việc sáng tạo văn hóa, bao gồm cả việc mở rộng quyền tự do ngôn luận.

### ***Thứ ba, các chính sách bảo tồn văn hóa truyền thống.***

Năm 1999, trước những biến đổi của tình hình trong nước và quốc tế, Cục Quản lý di sản văn hóa được nâng cấp lên thành Tổng cục Di sản văn hóa. Tổng cục có nhiệm vụ “*ngiên cứu, đề xuất các kế hoạch về bảo tồn, quản lý và sử dụng di sản; đồng thời thực hiện các chính sách bảo vệ di sản*” [10; 70]. Năm 2001, chính quyền Tổng thống Kim Dae-jung đã áp dụng hệ thống đăng ký di sản văn hóa và thúc đẩy sự đa dạng hóa phương pháp bảo tồn di sản [10; 70]. Ngoài ra, Chính phủ đã đưa ra biện pháp khác nhau nhằm tích cực khám phá các giá trị nội tại của di sản văn hóa và tái tạo dựa trên cơ sở công nghệ hiện đại và phù hợp với nhu cầu thực tế, làm cho văn hóa truyền thống trở nên gần gũi với người dân. Đây là yếu tố cốt lõi có sức sống bền bỉ của công nghiệp văn hóa.

Về phương diện đối ngoại, “*Chính sách Ánh dương*” trong quan hệ với Triều Tiên cũng đã thúc đẩy Chính phủ Kim Dae-jung phải xây dựng các chính sách văn hóa chủ động. Điều đó tạo nên sự khác biệt với các chính quyền tiền nhiệm, xây dựng và phát huy bản sắc văn hóa đã trở thành cơ sở quan trọng để chính quyền của Tổng thống Kim Dae-jung đưa ra những chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa trong giai đoạn 1998 - 2003.

### ***Thứ tư, các chính sách ngoại giao văn hóa, quảng bá, xuất khẩu công nghiệp văn hóa Hàn Quốc.***

Đến giai đoạn này, Hàn Quốc đã nhận thấy bước sang thế kỉ XXI, kinh tế và văn hóa sẽ quyết định sức mạnh của quốc gia. Ngành công nghiệp văn hóa, không chỉ thu được lợi nhuận mà còn quảng bá hình ảnh Hàn Quốc ra thế giới, nâng cao vị thế và “*sức mạnh mềm*” của đất nước trước những biến động phức tạp. Chính phủ Kim Dae-jung cho rằng việc thúc đẩy trao đổi văn hóa với các quốc gia khác là cần thiết cho sự phát triển văn hóa dân tộc và toàn cầu hóa văn hóa.

Tổng thống Kim Dae-jung từng nhấn mạnh: “*Thế kỉ XXI là thời đại của ngành công nghiệp văn hóa, và các chính sách “cách ly văn hóa” sẽ không giúp ích được gì cho bất kì quốc gia nào. Không có sự xâm lược văn hóa như lo ngại và đây là cơ hội cho sự phát triển của Hàn Quốc*” [11]. Chính từ nhận thức đó, chính quyền Tổng thống Kim Dae-jung đã mở rộng việc giao lưu văn hoá với các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là Nhật Bản. Chính vì vậy, năm 1998, Chính phủ Hàn Quốc bắt đầu mở cửa cho phim, video và xuất bản của Nhật Bản. Năm 1999, ngành công nghiệp biểu diễn của Nhật Bản được cấp phép tại Hàn Quốc. Tiếp đó năm 2000, Hàn Quốc phê duyệt các phim hoạt hình, nhạc pop, bản ghi âm nhạc, trò chơi, chương trình phát sóng của Nhật Bản [12; 3-59]. Có thể nói, việc thay đổi chính sách ngoại giao văn hóa này là điều kiện quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của công nghiệp văn hóa. Trong giai đoạn cầm quyền, Tổng thống Kim Dae-jung chú trọng đến việc mở rộng phạm vi ảnh hưởng và phổ biến “*văn hóa*” trở thành một “*hàng hóa*” xuất khẩu. Các sản phẩm của công nghiệp văn hóa từ âm nhạc, phim ảnh, video, game, ẩm thực, thời trang được đẩy mạnh xuất khẩu đến nhiều quốc gia trong khu vực, nhất là ở Đông Nam Á, Trung Quốc. Từ đây thuật ngữ “*Hallyu*” (Làn sóng Hàn Quốc) cũng được xuất hiện và ngày càng phổ biến.

Nhờ nỗ lực phát triển công nghiệp văn hóa trong nước cùng chính sách mở rộng mạng lưới và hỗ trợ hoạt động của các trung tâm văn hóa Hàn Quốc tại nước ngoài, đẩy mạnh phối hợp với các tổ chức quốc tế giai đoạn 1998 - 2003 đã tạo điều kiện để “*Làn sóng Hàn Quốc*” trở thành hiện tượng ở khu vực châu Á. Chiến lược phát triển và đầu tư có hệ thống đã mang lại “*quả ngọt*” cho nền công nghiệp văn hóa Hàn Quốc, tạo điều kiện để các chính quyền kế nhiệm tiếp tục phát triển trong các giai đoạn tiếp theo.

Nhìn chung, chính quyền của Tổng thống Kim Dae-jung đã tăng cường các chính sách hỗ trợ cho ngành công nghiệp văn hóa theo hướng tích cực hơn. Mục đích của các chính sách nhằm phát triển thị trường nội địa, nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của ngành công nghiệp văn hóa Hàn Quốc. Thông qua những chính sách trên, công nghiệp văn hóa đã được công nhận là “*ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao*” [13; 422].

### **2.3. Kết quả thực hiện những chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa của Hàn Quốc giai đoạn 1998 - 2003**

*Thứ nhất*, các chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa của chính quyền của Tổng thống Kim Dae-jung đã đem lại nhiều hiệu quả tích cực đối với sự phát triển của Hàn Quốc trước bước chuyển của thời đại:

Cuối những năm 90 của thế kỉ XX, với các chính sách hiệu quả, chính quyền của Tổng thống Hàn Quốc Kim Dae-jung đã giúp Hàn Quốc vượt qua cuộc khủng hoảng nghiêm trọng của đất nước. Việc thực hiện những chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa đã góp phần làm thay đổi cơ cấu ngành kinh tế, đồng thời đem lại nhiều hiệu quả tích cực đóng góp đáng kể vào sự phát triển chung của nền kinh tế Hàn Quốc. Công nghiệp văn hóa trở thành một trong những lĩnh vực kinh tế quan trọng, đóng góp nguồn thu nhập lớn cho tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Hàn Quốc. Kết quả là nền kinh tế Hàn Quốc đã phục hồi mạnh mẽ, tăng trưởng 10% vào năm 1999 [14].

Cùng với đó, trong giai đoạn cầm quyền của Tổng thống Kim Dae-jung, ngành công nghiệp văn hóa đã có bước phát triển vượt bậc. Quy mô thị trường của ngành công nghiệp văn hóa tăng nhanh từ 85.959 tỷ won năm 1999 lên 185.112 tỷ won năm 2003. Trong số này, lĩnh vực điện ảnh, thị phần nội địa của phim Hàn Quốc tăng nhanh từ 25,1% năm 1998 lên 53,6% năm 2003. Ngoài ra, giá trị thu về từ xuất khẩu văn hóa của Hàn Quốc tăng gấp 10 lần từ 3,07 triệu USD năm 1998 lên 32,52 triệu USD năm 2003 [11]. Như vậy, thời chính quyền Kim Dae-jung, ngành công nghiệp văn hóa đã phát triển vượt bậc, đặt nền móng để Hàn Quốc trở thành cường quốc văn hóa.

*Thứ hai*, chính sách nhằm thúc đẩy công nghiệp văn hóa từ năm 1998 đến năm 2003 đã tạo ra sự bùng nổ của Làn sóng Hallyu 1.0.

Từ năm 1998 đến năm 2003, trong nỗ lực giải quyết khủng hoảng và nâng cao vị thế toàn cầu của Hàn Quốc, chính quyền Kim Dae-jung đã chọn ngành giải trí là động lực tăng trưởng. Chính phủ đã thành lập Cơ quan Nội dung Sáng tạo Hàn Quốc và tập trung vốn đầu tư cho Hội đồng Điện ảnh Hàn Quốc để quảng bá văn hóa đại chúng, đồng thời tăng cường đào tạo các thế hệ tài năng cho công nghiệp giải trí.

Chính quyền Kim Dae-jung đã tận dụng sự phổ biến của các sản phẩm công nghiệp văn hóa, đặc biệt là phim truyền hình Hàn Quốc (K-Drama) tại các quốc gia châu Á, điển hình là Đông Nam Á, Nhật Bản và Trung Quốc để thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Chính nhờ đó, thuật ngữ “*Hallyu*” (Làn sóng Hàn Quốc) cũng được xuất hiện và phổ biến. Giai đoạn cầm quyền của Tổng thống Kim Dae-jung chính là giai đoạn đầu tiên của Làn sóng Hàn Quốc (Hallyu 1.0). Đặc điểm của Hallyu 1.0 là “*mối quan hệ liên Á*” do phạm vi phổ biến của làn sóng này chủ yếu tại các nước và khu vực láng giềng của Hàn Quốc [15; 7].

Sự phát triển của Làn sóng Hallyu 1.0 góp phần thúc đẩy quá trình dân chủ nền chính trị, thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh của kinh tế, phát huy tính năng động của xã hội dân sự và bảo tồn

các giá trị truyền thống tốt đẹp [16; 156], đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững và tăng khả năng của các lĩnh vực công nghiệp văn hóa Hàn Quốc. Từ đó có thể khẳng định, Làn sóng Hàn Quốc chính là bước nhảy vọt của công nghiệp văn hóa trong giai đoạn 1998 - 2003.

*Thứ ba*, các chính sách được thực hiện trong giai đoạn này có vai trò quan trọng, tạo ra bước ngoặt, đặt cơ sở cho sự phát triển của công nghiệp văn hoá Hàn Quốc trong các giai đoạn sau.

Những chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa của Tổng thống Kim Dae-jung tạo nên sự khác biệt so với các chính sách nghiêm ngặt của các chính quyền tiền nhiệm trong những năm 70 - 80 của thế kỉ XX. Chính sách thúc đẩy công nghiệp văn hóa chủ yếu dựa trên giá trị kinh tế của các lĩnh vực công nghiệp văn hóa. Cùng với đó, Tổng thống Kim Dae-jung cũng nhấn mạnh đến sự phát triển và vai trò của công nghệ thông tin và văn hóa đại chúng, đồng thời khẳng định công nghiệp văn hóa là “*ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao*” [13; 422]. Mặt khác, vấn đề phát huy bản sắc văn hóa cũng là một trong những lý do quan trọng để nhà nước hỗ trợ ngành công nghiệp văn hóa. Trên thực tế nhiều chính sách thúc đẩy các sản phẩm của ngành công nghiệp văn hóa có liên quan đến văn hóa và nghệ thuật, bao gồm bản sắc văn hóa truyền thống đã được thực hiện.

Trong giai đoạn 1998 - 2003, các chính sách thúc đẩy sự phát triển công nghiệp văn hóa chính phủ Kim Dae-jung không chỉ tập trung vào chiến lược kinh tế mà còn đẩy mạnh hướng đến xây dựng “*thương hiệu quốc gia*” và “*quyền lực mềm*”. Đó là động lực tác động tích cực đến sự phát triển của công nghiệp văn hóa trong nước và góp phần quảng bá văn hóa Hàn Quốc ra nước ngoài. Theo đó, Tổng thống Kim Dae-jung đã nhấn mạnh: “*Nếu công nghiệp và lao động là thế mạnh quốc gia trong thế kỉ XX thì tri thức và văn hóa lại quan trọng trong thế kỉ XXI. Công nghiệp văn hóa phải trở thành ngành công nghiệp trọng điểm quốc gia. Thế kỉ XXI là thế kỉ của Hàn Quốc. Bởi vì văn hóa phù hợp nhất với người Hàn Quốc.*” [17].

Từ một nền văn hóa có phần khép kín bởi chính sách kiểm duyệt nghiêm khắc, bước sang những năm cuối thế kỉ XX - đầu thế kỉ XXI, Chính phủ của Tổng thống Kim Dae-jung thông qua các chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển của công nghiệp văn hóa đã thực sự tạo nên thành công cho văn hóa Hàn Quốc. Kinh nghiệm của chính phủ Hàn Quốc trong giai đoạn 1998 - 2003 trong việc hoạch định và thực hiện những chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa đã tạo điều kiện để các chính quyền kế nhiệm tiếp tục kế thừa.

### 3. Kết luận

Như vậy, trong giai đoạn cuối những năm 90 của thế kỉ XX, trước những biến động của tình hình trong nước và quốc tế, trong quá trình tìm kiếm giải pháp để giải quyết cuộc khủng hoảng năm 1997, chính quyền của Tổng thống Kim Dae-jung đã chú trọng và quan tâm hơn đến sự phát triển của công nghiệp văn hóa. Trên cơ sở đó, những chính sách nhằm phát triển công nghiệp văn hóa đã được hoạch định và thực hiện có hệ thống trong giai đoạn 1998 - 2003. Các chính sách đó vừa là sự kế thừa nhận thức về tầm quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế, đồng thời là sự mở rộng, phát triển hơn nữa những giá trị của văn hóa với tiềm lực và “*sức mạnh mềm*” của quốc gia trong hoàn cảnh mới.

Có thể thấy trong suốt giai đoạn cầm quyền, Tổng thống Kim Dae-jung đã luôn nhấn mạnh ngành công nghiệp văn hóa là động lực cho ngành công nghiệp mới của Hàn Quốc trong thế kỉ XXI. Những chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển của công nghiệp văn hóa trong giai đoạn 1998 - 2003 có tính quyết định cho sự phát triển công nghiệp văn hóa và “*sức mạnh mềm*” của Hàn Quốc, vì vậy Tổng thống Kim Dae-jung còn được gọi là “*Tổng thống văn hóa*”. Qua đó, những chính sách trên đã đặt nền móng cho sự phát triển của ngành công nghiệp văn hóa thông qua hỗ trợ trong các lĩnh vực pháp lý, thể chế và ngân sách, đồng thời xác định tầm nhìn và chiến lược để phát triển Hàn Quốc thành một “*cường quốc văn hóa*”. Những chính sách này đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các chính quyền kế nhiệm và các quốc gia châu Á khác, trong đó có Việt Nam.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ministry of Culture and Tourism, (2020). *Framework act on the promotion of cultural industries*. Act No. 17407, Republic of Korea, 1.
- [2] PH Thái, NT Thắm & HTL Phi, (2016). “Công nghiệp văn hóa ở Nhật Bản và Hàn Quốc”. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 8 (105), 49.
- [3] NTT Thúy, (2024). *Chiến lược phát huy “sức mạnh mềm” của Hàn Quốc và ý nghĩa tham chiếu đối với Việt Nam*. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/816904/chien-luoc-phat-huy-%E2%80%9Csuc-manh-mem%E2%80%9D-cua-han-quoc-va-y-nghia-tham-chieu-doi-voi-viet-nam.aspx>.
- [4] Choi BS & Park KD, (1995). “From Euphoria to Atrophy: The Politics of Recent Economic Reform in Korea”. *The Korean Journal of Policy Studies*, 10 (1), 31.
- [5] Kim TY & Jin DY (2016). “Cultural Policy in the Korean Wave: An Analysis of Cultural Diplomacy Embedded in Presidential Speeches”. *International Journal of Communication*, 10, 5514–5534.
- [6] Tung AC & Jang HW, (2010). “High Tech, Low Fertility, Korea Becomes a Role Model in Cultural Industrial Policy”. *Korea and the World Economy*, 11 (2), 216.
- [7] Kang AP, (2008). *The Growth of Cultural Industry and the Role of Government: the Case of Korea*. Thesis, Department of Urban Studies and Planning, Massachusetts Institute of Technology, <https://core.ac.uk/download/pdf/4410243.pdf>, 19.
- [8] Shim SE (2008). “Behind the Korean Broadcasting Boom”. *NHK Broadcasting Studies*, 6, 216.
- [9] Oskar P, (2024, March). *The “Korean Wave” and the Expansion of South Korean Culture*. [https://pism.pl/publications/The\\_Korean\\_Wave\\_and\\_the\\_Expansion\\_of\\_South\\_Korean\\_Culture](https://pism.pl/publications/The_Korean_Wave_and_the_Expansion_of_South_Korean_Culture).
- [10] PT Oanh (2020). “Chính sách văn hóa của Hàn Quốc trong lĩnh vực bảo tồn di sản từ năm 1960 đến nay”. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, 11 (237).
- [11] Jang SG, (2024, March). *Did you know that Kim Dae-jung was a “Korean wave pioneer”?* [https://www.ohmynews.com/NWS\\_Web/Series/series\\_premium\\_pg.aspx?CNTN\\_CD=A0002857734](https://www.ohmynews.com/NWS_Web/Series/series_premium_pg.aspx?CNTN_CD=A0002857734), (in Korean: 아시는가, 김대중이 “한류 개척자” 였다는 사)
- [12] Ministry of Culture and Tourism, (2000). *Cultural Industry Vision 21: The Five-Year Plan for developing cultural industries*. Republic of Korea, 3-59.
- [13] Kwon SH & Kim J, (2014). “The cultural industry policies of the Korean government and the Korean Wave”. *International Journal of Cultural Policy*, 20, 422.
- [14] Edward JB, (2024, March). *Kim Dae-jung’s Role in the Democratization of South Korea*, <https://www.asianstudies.org/publications/eaa/archives/kim-dae-jungs-role-in-the-democratization-of-south-korea/>.
- [15] Mary JA, (2016). “Korean Overseas Investment and Soft Power: Hallyu in Laos”. *Korea Journal*, 56 (3), 7.
- [16] Kim BR (2015). “Past, Present and Future of Hallyu (Korean Wave)”. *American International Journal of Contemporary Research*, 5 (5), 154-160.
- [17] Park CS, (2024, March). *The first president to see culture as an industry... DJ lays the foundation for the “Korean Wave”*. [https://www.hani.co.kr/arti/politics/politics\\_general/1124778.html](https://www.hani.co.kr/arti/politics/politics_general/1124778.html), (in Korean: 문화를 산업으로 본 첫 대통령... DJ, “한류” 기반을 놓).